

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ

hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Thông tư này quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy

hoạch sản xuất nông nghiệp trong phạm vi ranh giới hành chính của một xã hoặc tương đương.

2. Đối tượng lập quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã bao gồm: Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; Bố trí sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; Quy hoạch phát triển giống, cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và môi trường của địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã phải tuân theo các quy định tại thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm các tiểu ngành: nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp.

2. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp bao gồm: việc xác định phương án sản xuất nông nghiệp theo từng giai đoạn trong tương lai, bố trí không gian và hạ tầng kỹ thuật phù hợp

3. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: bao gồm việc xác định hướng, tuyến, vị trí và quy hoạch phát triển các công trình giao thông, thủy lợi, điện phục vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

4. Quy hoạch bố trí sử dụng đất nông nghiệp: bao gồm việc bố trí quỹ đất cho các loại hình phát triển nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và môi trường của địa phương.

5. Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

Điều 3. Lập nhiệm vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã

1. Căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

Ủy ban Nhân dân xã đề ra yêu cầu quy hoạch sản xuất nông nghiệp dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh, của huyện.

- Căn cứ những chủ trương, chính sách của Chính phủ, ngành, địa phương.

- Căn cứ mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp, yêu cầu xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất của từng địa phương.

- Căn cứ quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và của vùng, tránh việc phá vỡ các quy hoạch tổng thể chung.

- Căn cứ đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn nhằm hạn chế tối đa những rủi ro thiên tai (lũ, lụt, sạt lở đất, hạn hán,...) đối với sản xuất và đời sống.

2. Nội dung lập nhiệm vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

- Xác định ranh giới, quy mô đất phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng công trình phục vụ sản xuất.

- Xác định ranh giới, quy mô đất, mặt nước phục vụ phát triển sản xuất các cây trồng, vật nuôi chủ yếu trên địa bàn.

- Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất.

Chương II

QUY HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CẤP XÃ

Điều 4. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

1. Trồng trọt: Bố trí cơ cấu diện tích sản xuất các loại cây trồng chủ yếu trên

địa bàn xã: quy mô, vị trí từng loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày.

- Dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã theo từng giai đoạn. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm.

- Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung để đầu tư sản xuất (thâm canh, bán thâm canh và quảng canh).

2. Chăn nuôi:

- Xác định những vật nuôi chủ yếu và có lợi thế trên địa bàn xã, quy hoạch phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp quy mô phù hợp, xa khu dân cư để kiểm soát được dịch bệnh, hạ giá thành sản phẩm, cải thiện môi trường sinh thái.

- Dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại vật nuôi trên địa bàn xã theo từng giai đoạn. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm.

3. Bố trí sử dụng đất:

- Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển cây trồng, vật nuôi; cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu sản xuất.

- Hệ thống đai rừng phòng hộ: Đáp ứng được yêu cầu phòng hộ, an toàn cho các công trình liên quan, kết hợp với mương, bờ, đường lô để tiết kiệm đất, kết hợp lợi ích phòng hộ với tác dụng kinh tế khác.

4. Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp cho giai đoạn 2010 - 2015 và khái toán cho giai đoạn 2016 -2020.

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về dồn điền, đổi thửa đất sản xuất.

- Giải pháp về khuyến nông, về khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: cách thức tuyên truyền nhân rộng mô hình khuyến nông; kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc - giống, thức ăn, canh tác, bảo vệ thực vật, thú y; hình thức tổ chức - câu lạc bộ khuyến nông.

- Giải pháp về phát triển nguồn giống thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y.

- Giải pháp về tổ chức hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: nhóm nông dân cùng sở thích, liên kết...

- Giải pháp về xây dựng các dịch vụ cộng đồng về tiếp thị nông sản và vật tư nông nghiệp.

- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động sự tham gia của người dân, các tổ chức và cộng đồng, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất.

- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng...

Điều 5. Quy hoạch sản xuất lâm nghiệp

1. Kiểm kê xác định rõ diện tích các loại rừng trên địa bàn xã, diện tích đất có khả năng trồng rừng, tình hình quản lý rừng. Diện tích rừng đã giao cho dân, diện tích rừng do các tổ chức kinh tế xã hội quản lý.

- Cụ thể hóa quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn xã làm cơ sở để chủ rừng tiến hành cấm mốc ranh giới và quản lý theo quy chế quản lý rừng hiện hành.

- Đối với diện tích quy hoạch là rừng sản xuất: Xây dựng phương án và kế hoạch phát triển rừng cấp xã ngắn hạn (hàng năm), trung hạn và dài hạn tới từng lô khoảnh thuộc từng chủ sở hữu khác nhau. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm từ rừng sản xuất.

2. Bố trí sử dụng đất: Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển cây rừng, cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu sản xuất.

3. Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất lâm nghiệp cho giai đoạn 2010 - 2015 và khái toán cho giai đoạn 2016 - 2020.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về tổ chức bộ máy: đối với những xã có diện tích đất lâm nghiệp lớn

hơn 5.000 ha cần có một cán bộ chuyên trách lâm nghiệp và thành lập ban lâm nghiệp xã;

- Giải pháp về chính sách đất đai: gồm rà soát quy hoạch 3 loại rừng, giao đất, giao rừng cho cá nhân và các tổ chức sử dụng ổn định lâu dài;

- Giải pháp về vốn, tín dụng: tạo vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay, ngân sách nhà nước, các dự án quốc tế và các nguồn hỗ trợ khác cho phát triển lâm nghiệp;

- Giải pháp về thị trường và tiêu thụ sản phẩm: liên doanh xây dựng vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, hợp tác và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm từ gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ;

- Về khoa học công nghệ: nghiên cứu và áp dụng các giải pháp quản lý rừng hiệu quả, áp dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật thâm canh cao, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao trong sản xuất lâm nghiệp thông qua phát triển hệ thống khuyến nông các cấp;

- Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng: gồm cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển lâm nghiệp;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng và người dân về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 6. Quy hoạch sản xuất thủy sản

1. Kiểm kê, đánh giá diện tích mặt

nước, đất sử dụng trong nuôi trồng thủy sản và có khả năng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã như: ao hồ nhỏ, hồ tự nhiên, đầm phá, vũng vịnh, bãi triều, ruộng trũng, ruộng nhiễm mặn, đất cát ven biển và đất bãi bồi... có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản.

2. Dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại sản phẩm thủy sản trên địa bàn xã theo từng giai đoạn. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm.

3. Bố trí sử dụng diện tích đất, mặt nước cho sản xuất thủy sản:

- Bố trí quy mô diện tích nuôi trồng từng loại sản phẩm thủy sản gắn với từng phương thức nuôi và điều kiện trên từng địa bàn, các chỉ tiêu cho giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng 2020.

- Xây dựng khu nuôi trồng thủy sản hàng hóa thâm canh phải tuân thủ nghiêm ngặt về quy định vùng nuôi an toàn và tiêu chuẩn quốc gia về nuôi công nghiệp.

- Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất và hệ thống ao chứa, lắng, xử lý nước: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển khu nuôi trồng, cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu nuôi trồng.

- Thiết kế phân lô, thửa phải thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm; xử lý nguồn nước và bảo vệ môi trường.

4. Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống cho giai đoạn 2010 - 2015 và khái toán cho giai đoạn 2016 - 2020.

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về giao đất, cho thuê đất, diện tích ao hồ có mặt nước.

- Giải pháp về phát triển nguồn giống, thức ăn và thuốc thú y thủy sản.

- Về tổ chức hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất.

- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển thủy sản quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng.

Điều 7. Quy hoạch phát triển diêm nghiệp

1. Bố trí quy mô diện tích sản xuất muối, dự kiến sản lượng muối thu hoạch từng vụ sản xuất trong năm. Bố trí quy hoạch sản xuất hàng năm giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020 với tất cả các chỉ tiêu chính của sản xuất và tiêu thụ muối.

2. Bố trí sử dụng đất:

- Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi cho

phát triển sản xuất, phù hợp với địa hình của khu sản xuất.

- Thiết kế phân lô, thửa phải thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm; xử lý nguồn nước và bảo vệ môi trường.

3. Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối giai đoạn 2010 - 2015 và khái toán cho giai đoạn 2016 - 2020.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về giao đất, cho thuê đất;
- Tổ chức hợp tác sản xuất;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối;
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ muối, định hướng thị trường tiêu thụ.
- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất.
- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng.

Điều 8. Bố trí công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

1. Trên cơ sở quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; trong đó bao gồm bố trí sử dụng

đất để thực hiện bố trí các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

2. Đường giao thông nội đồng: nằm trong hệ thống đường giao thông nông thôn thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 4454/1987 của Bộ Xây dựng. Việc bố trí cần đảm bảo có được một hệ thống đường nội đồng hoàn chỉnh, hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển vật tư, nông sản phẩm, đẩy mạnh công tác cơ giới hóa các khâu sản xuất. Khi thiết kế cần lưu ý:

- Chọn tuyến đường ngắn ít dốc.
- Tận dụng các đường sẵn có (nếu phù hợp với yêu cầu).
- Kết hợp chặt chẽ việc bố trí đường với bố trí hệ thống thủy lợi.
- Nối liền được các cơ sở sản xuất, các cơ sở kinh tế xã hội trong khu sản xuất theo một lưới đường hợp lý, phù hợp phương tiện vận chuyển hiện tại và hướng phát triển tương lai.

3. Hệ thống thủy lợi tưới tiêu nội đồng, bao gồm những mương tưới, tiêu, bờ đập, ao hồ; xác định các công trình cần cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới đáp ứng yêu cầu tưới tiêu, cấp thoát nước, ngăn mặn.

4. Hệ thống điện: xem xét nhu cầu điện phục vụ sản xuất để bố trí hệ thống trạm, đường dây phù hợp đảm bảo đáp ứng nhu cầu, an toàn và tiết kiệm điện.

5. Giải pháp thực hiện: với các công trình quy mô vừa và nhỏ thực hiện huy động sự tham gia chủ động của cộng đồng, Nhà nước hỗ trợ một phần.

Điều 9. Điều chỉnh quy hoạch

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện theo các quy hoạch đang có, khi xuất hiện các yêu cầu mới, chưa có trong dự báo và các phương án quy hoạch đã có, và sau mỗi giai đoạn 5 năm, cần thực hiện việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu, tình hình mới. Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp quyết định về thời hạn và nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn.

2. Việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp phải đảm bảo tính kế thừa, các yêu cầu và nguyên tắc cần điều chỉnh cho phù hợp yêu cầu phát triển sản xuất đến năm 2020, danh mục hồ sơ tài liệu cần điều chỉnh.

3. Trong quá trình tiến hành lập phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp, nội dung quy hoạch sản xuất nông nghiệp đang triển khai không phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt, nhưng không làm thay đổi phạm vi ranh giới, diện tích và mục đích sử dụng khu vực lập quy hoạch, thì không phải tiến hành lập lại nhiệm vụ quy hoạch. Người có thẩm quyền chỉ phê duyệt lại nhiệm vụ

quy hoạch để đảm bảo sự thống nhất trong phương án quy hoạch.

Điều 10. Lấy ý kiến quy hoạch

1. Trong quá trình lập phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tổ chức tư vấn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân trong khu vực lập quy hoạch theo các hình thức hội họp, trao đổi trực tiếp hoặc phát phiếu lấy ý kiến về nội dung phương án quy hoạch đề nhân dân dễ tiếp cận và góp ý. Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi phê duyệt.

2. Căn cứ kết quả lấy ý kiến và hồ sơ nhiệm vụ, phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp, cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định lựa chọn phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

Điều 11. Trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch

1. Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân xã là cơ quan trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

2. Cơ quan thẩm định: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc đơn vị có chức năng tương đương chịu trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ và phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

3. Cơ quan phê duyệt: Ủy ban Nhân dân cấp huyện là cơ quan phê duyệt nhiệm vụ và phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

Điều 12. Sản phẩm quy hoạch

1. Sản phẩm quy hoạch được tổng hợp trong bộ hồ sơ quy hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt bao gồm:

- Báo cáo quy hoạch;
- Các bản đồ minh họa.

2. Báo cáo quy hoạch thể hiện đánh giá hiện trạng, tiềm năng; định hướng phát triển; phương án quy hoạch phát triển và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

2. Các bản đồ minh họa chủ yếu: Bản đồ thổ nhưỡng, Bản đồ hiện trạng và quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, Bản đồ hiện trạng và quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tỷ lệ từ 1/5.000 - 1/25.000.

Điều 13. Quản lý quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã.

1. Cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã căn cứ đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt ban hành Quy định về quản lý quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân xã tổ chức công bố, công khai quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã với nội dung sau:

a) Nội dung công bố, công khai quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã bao gồm:

- Bản đồ hiện trạng sản xuất nông nghiệp của xã;
- Bản đồ quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của xã;
- Bản đồ quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Trong quá trình thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã được phê duyệt, các dự án đầu tư đã và đang triển khai cần được cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ để các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc các địa phương phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát